

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST.

Ngày: 14 - 01 - 2022

*V/v tranh chấp về chia di sản thừa
kế là quyền sử dụng đất và tài sản
gắn liền với đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 4 23/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1991

Địa chỉ: 12/8 ấp 4, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 82 phường M, quận N, Thành phố Đà Nẵng

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1967

Địa chỉ: A3/19A ấp 1A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn H (có mặt)

Địa chỉ: A3/19A ấp 1A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị Lệ T, sinh năm 1962

Địa chỉ: 12/8 ấp 4, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

- Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1993

Địa chỉ: 12/8 ấp 4, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

- Nguyễn Minh H1, sinh năm 2000

Địa chỉ: 12/8 ấp 4, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, H1, T1 : Bà Nguyễn Thị L (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 23/4A ấp 1, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn H (có mặt)

Địa chỉ: A3/19A ấp 1A, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Nguyễn Thị Kim L3, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 13/5 ấp M, xã T, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

- Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 12/8 ấp 4, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

- Ông Trần Quang Thanh Phong, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: 23/4 ấp M, xã T, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

Nơi ở: Nhà không số, ấp 4, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

- Bé Trần Quang Thanh N, sinh năm 2005

Địa chỉ: 12/8 ấp 4, xã X, huyện H, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp (cha mẹ trẻ N): Ông Trần Quang Thanh P và bà Nguyễn Thị Thanh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2020, bản tự khai tại Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha của bà Nguyễn Thị Thu H là ông Nguyễn Văn T chết ngày 28/02/2015 (theo giấy chứng tử số 13, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/03/2015). Ông Nguyễn Văn T chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế do ông T để lại là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại 12/8 ấp 4, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số: 623, tờ bản đồ số: 41, diện tích: 496 m², đất ở tại đô thị: 250 m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00379 do UBND huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/07/2014; đăng ký thay đổi ngày 24/11/2014.

Nguồn gốc nhà và đất: ông T thừa kế từ cha là ông Nguyễn Văn N và được tặng cho từ mẹ là bà Trần Thị A.

Ông Nguyễn Văn T và bà Ngô Thị Lệ T có tất cả 03 người con Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1.

Ngày 04/3/2015, bà Trần Thị A chết (theo giấy chứng tử số 14, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/03/2015). Bà Trần Thị A chết không để lại di chúc. Bà A và ông N có tất cả 05 người con: Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L1; Nguyễn Thị L2; Nguyễn Thị Kim L3; Nguyễn Thị Thanh T2.

Sau khi ông Thuông và bà Trần Thị A chết, đến năm 2015, bà Nguyễn Thị Thanh T2 có xây một căn nhà vách tole, mái tole trên phần đất là di sản thừa kế của ông T và bà A. Căn nhà có diện tích khoảng 70 m2 được cất trên phần đất có diện tích khoảng 70 m2.

Vì vậy, nay bà Nguyễn Thị Thu H đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại 12/8 ấp 4, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thị Thu H được hưởng 1/5 di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T. Bà Nguyễn Thị Thu H đề nghị được nhận nhà và đất theo hiện trạng và trả lại giá trị phần thừa kế cho những người đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Lệ T, Nguyễn Minh H1, Nguyễn Thị Cẩm T1 – đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn, do vợ con ông T đang ở trên nhà đất này nên yêu cầu được nhận hiện vật, thanh toán lại giá trị nhà đất cho các thừa kế còn lại.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của bà L1 – bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà L1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn N (chết năm 1975) và bà Trần Thị A (chết năm 2015), ông Nhơn và bà Anh có tất cả 05 người con: Nguyễn Văn Tg, Nguyễn Thị L2; Nguyễn Thị L1; Nguyễn Thị Kim L3; Nguyễn Thị Thanh T2.

Ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì nhà đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc của bà Trần Thị A và ông Nguyễn Văn N, khi bà A còn sống, bà A và các con của bà A gồm: Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L2; Nguyễn Thị L1; Nguyễn Thị Kim L3; Nguyễn Thị Thanh T2, có thỏa thuận để ông T đứng tên để vay ngân hàng nhưng khi sang tên nhà đất cho ông T thì ông T không vay ngân hàng được, ông T định hủy việc đứng tên này thì ông T chết đột ngột nên chưa hủy, hiện tại ông không có tài liệu gì về phần này để cung cấp cho Tòa án. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Trước kia, ông có đề nghị xin 01 phần đất khoảng 100m2 cho bà L1 làm kỷ niệm, nay ông không yêu cầu. Ông chỉ yêu cầu bà L1, bà L2 mỗi người nhận 300.000.000 đồng. Nếu hòa giải không thành thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Kim L3 trình bày:

Thông nhất với trình bày của ông H – đại diện theo ủy quyền của bà L1, bà đề nghị được nhận 300.000.000 đồng. Trường hợp hòa giải không thành thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Thanh T2 trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của phía bị đơn, bà không đồng ý chia theo yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, do hiện tại bà đã xây dựng 01 căn nhà bằng tole trên phần đất này nên bà xin được 100m2 để ở. Bà không yêu cầu chia thừa kế 100m2 này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Quang Thanh P trình bày:

Phần nhà đất số 12/8 ấp 4, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T mà bà Nguyễn Thị Thanh T2 được thừa kế một phần là tài sản riêng của bà T2, ông không có ý kiến gì. Do bà T2 toàn quyền quyết định trong vụ án này. Còn căn nhà tole khoản 70m2 được cất trên phần đất này là do vợ chồng ông tự xây cất. Do sống trên đất này hơn mười mấy năm nên gia đình ông có nguyện vọng xin 100m2 đất để có chỗ ở.

Ngoài ra, với tư cách là người đại diện hợp pháp của trẻ Trần Quang Thanh N. Ông P, bà T2 không có ý kiến gì.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P và bà T2 vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau: Tại phiên tòa, bà L - đại diện cho bà H, bà T1, bà H1, bà T2 và bà L3, ông H – đại diện cho bà L1, bà L2 cùng thống nhất là bà L1, bà L2, bà L3 mỗi người nhận 260.000.000 đồng. Bà H, bà H1, bà T, bà T1 được nhận nhà đất và đứng tên đồng sở hữu. Không chấp nhận yêu cầu của bà T3.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Thanh T3 và ông Trần Quang Thanh xét xử vắng mặt bà T3, ông P theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngày 06/7/2020 bà Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết tranh chấp về chia thừa kế tài sản của ba là ông Nguyễn Văn T là nhà đất số 12/8 ấp 4, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số: 623, tờ bản đồ số: 41, theo giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00379 do UBND huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/07/2014; đăng ký thay đổi ngày 24/11/2014. Do đó, được xác định là quan hệ “Tranh chấp thừa kế tài sản”. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tọa lạc tại 12/8 ấp 4, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, cho bà Nguyễn Thị Thu H được hưởng 1/5 di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T. Bà Nguyễn Thị Thu H đề nghị được nhận nhà và đất theo hiện trạng và trả lại giá trị phần thừa kế cho những người đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét thấy:

- Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất khai: Ông Nguyễn Văn Thuông (chết tháng 02/2015), có vợ là Ngô Thị Lệ T và 03 người con là Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1.

Ba ông T là ông Nguyễn Văn N (chết năm 1975) và mẹ là Trần Thị A (chết tháng 03/2015). Ông N và bà A có tất cả 05 người con gồm: Nguyễn Văn Tg, Nguyễn Thị L1; Nguyễn Thị L2; Nguyễn Thị Kim L3; Nguyễn Thị Thanh T2.

Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông Tg gồm: Bà Ngô Thị Lệ T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1 và bà Trần Thị A.

- Về nguồn gốc nhà đất: Nhà đất số 12/8 ấp 4, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số: 623, tờ bản đồ số: 41, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00379 do UBND huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/07/2014 được cấp cho ông Nguyễn Văn T. Ông T chết không để lại di chúc định đoạt phần tài sản của mình nên tài sản trên trở thành di sản thừa kế và chưa chia.

Di sản của ông T để lại là quyền sử dụng đất và 01 căn nhà cấp 4 trên đất là gia đình bà Ngô Thị Lệ T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1 đang sinh sống. Ngoài ra, trên đất có 01 căn nhà tole diện tích 57,9 m² do vợ chồng bà Thủy, ông P tự xây cất do gia đình bà T2 đang sinh sống.

- Theo chứng thư thẩm định giá ngày 28/01/2021 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá M thì nhà đất tranh chấp nêu trên có giá trị:

* Nhà số 1: Diện tích 57.9 m² x 40 % x 1.683.000 đồng/m² = 38.978.280 đồng (nhà bà T2 đang ở)

Ngôi miếu: 7,0m² x 60% x 4.412.000 đồng/m² = 18.530.400 đồng

Nhà số 2: 155,7m² x 60% x 3.939.000 đồng/m² = 367.981.380 đồng

Nhà vệ sinh ngoài trời 2.5m² x 30% x 5.160.000 = 3.870.000 đồng

Tổng cộng công trình xây dựng: 429.360.060 đồng.

* Đất:

- Loại đất ODT: $250m^2 \times 14.255.000 \text{ đồng} = 3.563.570.000 \text{ đồng}$

- Loại đất: CLN: $246m^2 \times 4.277.000 \text{ đồng} = 1.052.142.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng giá trị đất: 4.615.892.000 đồng.

* Tổng cộng đất và công trình xây dựng: $4.615.892.000 \text{ đồng} + 429.360.060 \text{ đồng} = 5.045.252.060 \text{ đồng} - 38.978.280 \text{ đồng}$ (nhà bà T2 tự xây cất) = 5.006.273.780 đồng.

Như vậy, di sản thừa kế do ông T để lại có giá trị là 5.006.273.780 đồng.

[4] Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H đối với di sản của ông Nguyễn văn T theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông T chết tháng 02/2015, thì những người thừa kế di sản theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm: Vợ ông T là bà Ngô Thị Lệ T, các con ông T là Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1 và mẹ ông T là bà Trần Thị A. Tất cả là 05 kỹ phần.

Di sản thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông T để lại trị giá 5.006.273.780 đồng. Như vậy, mỗi người thừa kế của ông T sẽ được hưởng di sản bằng nhau, mỗi kỹ phần trị giá: $5.006.273.780 \text{ đồng} \div 5 \text{ phần} = 1.001.254.756 \text{ đồng}$.

Do đó, phần của bà A là 1.001.254.756 đồng chia cho 5 phần: Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L; Nguyễn Thị L2; Nguyễn Thị Kim L3; Nguyễn Thị Thanh T2, mỗi phần là 200.250.951 đồng.

Do ông T chết trước bà A nên con của ông T được thừa kế thế vị phần của ông T được hưởng theo Điều 677 Bộ luật dân sự 2005, ông T có 03 người con, $200.250.951 \div 3 = 66.750.317 \text{ đồng}$.

[5] Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Lệ T, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1 yêu cầu được nhận phần hiện vật và hoàn lại cho những người thừa kế khác giá trị bằng tiền tương ứng với kỹ phần mà họ được nhận. Gia đình bà T2, ông P2 có trách nhiệm di dời nhà đi nơi khác.

Hội đồng xét thấy, hiện tại gia đình bà H, bà T, bà T1, bà H1 đang sinh sống trong căn nhà này, để không xáo trộn cuộc sống của các đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giao cho bà Nguyễn Thị Thu H, bà Ngô Thị Lệ T, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1 được toàn quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà đất thửa số 623, tờ bản đồ số 41, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00379 do UBND huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/07/2014. Bà Nguyễn Thị Thu H, bà Ngô Thị Lệ T, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L1; Nguyễn Thị L2; Nguyễn Thị Kim L3; Nguyễn Thị Thanh T2, mỗi phần là 200.250.951 đồng.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Ngô Thị Lệ T, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1 tự nguyện hỗ trợ thêm cho bà L1, bà L2, bà L3 mỗi người 59.749.049 đồng. Tổng cộng, bà L2, bà L3 mỗi người nhận được số tiền 260.000.000 đồng.

Riêng bà T2, thì bà H, bà T, bà T1, bà H1 tự nguyện hỗ trợ tiền di dời nhà cho bà T2 là 80.770.769 đồng và hỗ trợ cho vợ chồng bà T2, ông P giá trị căn nhà là 38.978.280 đồng.

[6] Xét ý kiến của bị đơn – bà L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà L1 có đại diện theo ủy quyền là ông Phan Văn H: Đồng ý nhà đất thửa số 623, tờ bản đồ số 41, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00379 do UBND huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/07/2014 là di sản do ông Nguyễn Văn T để lại, đồng ý nhận giá trị bằng tiền tương ứng với kỹ phần được nhận là 200.250.951 đồng và tiền hỗ trợ là 59.749.049 đồng. Tổng cộng mỗi người nhận số tiền 260.000.000 đồng.

[7] Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà L3: Đồng ý nhà đất thửa số 623, tờ bản đồ số 41, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00379 do UBND huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/07/2014 là di sản do ông Nguyễn Văn T để lại, đồng ý nhận 200.250.951 đồng và tiền hỗ trợ là 59.749.049 đồng. Tổng cộng là 260.000.000 đồng.

Đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Xét yêu cầu của bà H, bà T, bà T1, bà H1 yêu cầu gia đình bà T2, ông P có trách nhiệm di dời nhà đi nơi khác và tự nguyện hỗ trợ giá trị căn nhà cho vợ chồng bà T2 là 38.978.280 đồng; hỗ trợ riêng cho bà T2 tiền di dời nhà là 80.770.769 đồng. Yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật và quyền lợi của bà T2, ông P nên được chấp nhận.

[8] Về án phí và các chi phí tố tụng:

* Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo giá ngạch tương ứng với giá trị phần di sản được hưởng. Cụ thể:

- Bà Ngô Thị Lệ T phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền: 1.001.254.756 đồng = 42.037.643 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền: 1.001.254.756 đồng + 66.750.317 đồng = 1.068.005.073 đồng = 44.040.152 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền: 1.001.254.756 đồng + 66.750.317 đồng = 1.068.005.073 đồng = 44.040.152 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Minh H1 phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền: 1.001.254.756 đồng + 66.750.317 đồng = 1.068.005.073 đồng = 44.040.152 đồng.

- Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền: 200.250.948 đồng là 10.012.547 đồng.

- Bà Nguyễn Thị L2 phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền: 200.250.948 đồng là 10.012.547 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim L3 phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền: 200.250.948 đồng là 10.012.547 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T2 phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền: 200.250.948 đồng là 10.012.547 đồng.

* Bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu chi phí định giá và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 299 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 631, 634, 635, 674, 675, 676, 677 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Xác định nhà đất thửa số 623, tờ bản đồ số 41, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BV 138306, sổ vào sổ cấp giấy: CH00379 do UBND huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2014, cập nhật biến động ngày 24/11/2014, là di sản do ông Nguyễn Văn T để lại có giá trị 5.006.273.780 đồng.

- Giao cho Bà Nguyễn Thị Thu H, Ngô Thị Lệ T, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1 là đồng sử dụng, sở hữu toàn bộ nhà đất thửa số 623, tờ bản đồ số 41, theo Giấy chứng nhận QSDĐ số BV 138306, sổ vào sổ cấp giấy: CH00379 do UBND huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2014, cập nhật biến động ngày 24/11/2014.

Bà Nguyễn Thị Thu H, Ngô Thị Lệ T, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được làm thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Thu H, Ngô Thị Lệ T, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T2 số tiền 200.250.951 đồng và hỗ trợ di dời nhà là 80.770.769 đồng; Hỗ trợ cho bà

T2, ông P giá trị căn nhà là 38.978.280 đồng. Gia đình bà T2 có trách nhiệm di dời nhà đi nơi khác.

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: Bà Nguyễn Thị Thu H, Ngô Thị Lệ T, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1, có đại diện là bà Nguyễn Thị L với bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2, có đại diện là ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị Kim L3 như sau:

+ Bà Nguyễn Thị Thu H, Ngô Thị Lệ T, Nguyễn Thị Cẩm T1, Nguyễn Minh H1 cùng liên đới thanh toán cho Bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị L2, bà Nguyễn Thị Kim L3 mỗi người là 200.250.951 đồng và tiền hỗ trợ là 59.749.049 đồng. Tổng cộng mỗi người là 260.000.000 đồng.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 44.040.152 đồng. Bà H đã tạm nộp số tiền 2.500.000 đồng theo biên lai số 0076086 ngày 14/7/2020 và số tiền 18.635.756 đồng theo biên lai số 0074827 ngày 09/4/2021. Bà H còn phải nộp thêm số tiền 22.904.396 đồng.

- Bà Ngô Thị Lệ T phải chịu 42.037.642 đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm T1 phải chịu 44.040.152 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Minh H1 phải chịu 44.040.152 đồng.

- Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 10.012.547 đồng.

- Bà Nguyễn Thị L2 phải chịu 10.012.547 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim L3 phải chịu 10.012.547 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T2 phải chịu 10.012.547 đồng.

Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá: Bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu, đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSNDHHM;
- THA DS HHM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng